

MỘT SỐ KINH NGHIỆM NHẪM PHÁT HUY THỂ MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TIẾNG VIỆT CHO LƯU HỌC SINH LÀO

LÊ THỊ HÀ *

Tóm tắt: Qua nhiều năm đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào, Trường Đại học Tây Bắc luôn phát huy được những thế mạnh sẵn có: về địa lý; sự gần gũi về tộc người; về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, học liệu,... Bên cạnh đó, mỗi giảng viên đều cố gắng tìm ra những phương pháp dạy - học hữu hiệu, có thể vận dụng một cách sáng tạo để lưu học sinh có cơ hội tiếp thu tiếng Việt một cách hiệu quả nhất. Từ đó, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số kinh nghiệm nhằm phát huy những thế mạnh của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dạy - học tiếng Việt cho lưu học sinh Lào tại Trường Đại học Tây Bắc.

Từ khóa: Kinh nghiệm, phát huy, địa lý, tộc người, tiếng Việt, lưu học sinh Lào.

Abstract: Through many years of training Vietnamese for Lao students, Tay Bac University has always promoted its available strengths, including geography, ethnic proximity, facilities, teaching staffs, learning materials,... In addition, each teacher tries to find effective teaching and learning methods that can be creatively applied so that Lao students have the opportunity to acquire Vietnamese in the most effective way. Since then we boldly propose some experience to promote the strengths of the University in improving the quality of teaching and learning Vietnamese for Lao students at Tay Bac University.

Keywords: Experience, promotion, geography, ethnic group, Vietnamese, Lao students.

1. Dẫn nhập

Có thể nói, tính đến năm học 2021 - 2022, việc đào tạo lưu học sinh Lào (LHSL) tại Trường Đại học Tây Bắc (TĐHTB) đã bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn xác định việc đào tạo LHSL là một thế mạnh của Nhà trường. Tại sao chúng tôi lại sử dụng thuật ngữ thế mạnh (strengths) vì xét từ nhiều góc độ, TĐHTB có những thuận lợi đặc thù mà không phải cơ sở đào tạo đại học nào cũng có được trong công tác đào tạo lưu học sinh. Vậy, từ những thế mạnh sẵn có, làm thế nào để TĐHTB đạt được hiệu quả cao hơn nữa trong việc đào tạo LHSL là một câu hỏi được đặt ra. Bài viết này tập trung vào phân tích những thế mạnh của Trường Đại học Tây Bắc và xác định đó là những kinh nghiệm trong việc đào tạo tiếng Việt cho LHSL trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

* ThS - Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: halt@utb.edu.vn

2. Nội dung

2.1. Những thế mạnh của TĐHTB trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt cho LHSL

2.1.1. Thế mạnh về vị trí địa lý của TĐHTB

TĐHTB là một cơ sở đào tạo đại học nằm ở khu vực miền núi thuộc địa phận hành chính của tỉnh Sơn La - một tỉnh có vị trí trung tâm của khu vực Tây Bắc (xét về phương diện địa lý, Tây Bắc có 04 tỉnh là Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu). Về địa giới của Sơn La: phía Bắc giáp các tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Lai Châu; phía Đông giáp các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình; phía Tây giáp với tỉnh Điện Biên; phía Nam giáp với tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hòa Bình (Lào); phía Tây Nam giáp tỉnh Luông Pha Bang (Lào). Sơn La có đường biên giới quốc gia dài 250 km. Như vậy, việc giao lưu giữa TĐHTB nằm trên địa phận tỉnh Sơn La với các tỉnh phía Bắc của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là tương đối thuận lợi. Trong đó có những tỉnh tiếp giáp trực tiếp, có những tỉnh tiếp giáp gián tiếp qua tỉnh Điện Biên.

2.1.2. Thế mạnh về sự gần gũi về tộc người của TĐHTB

Thống kê tại TĐHTB hiện nay, tổng số sinh viên Việt Nam đến từ 21 dân tộc sinh sống tại khu vực phía Bắc. Trong 21 dân tộc này, nhiều dân tộc có những điểm rất gần gũi với sinh viên Lào. Về đại thể, người Lào chia thành 3 nhóm dân tộc theo độ cao của địa hình cư trú là Lào Lum (người Lào ở vùng thấp), Lào Thàng (người Lào ở vùng rẻo giữa) và Lào Sùng (người Lào ở vùng cao). Các LHSL khi sang du học tại Việt Nam đều có thể sử dụng thành thạo tiếng phổ thông của Lào là tiếng của người Lào Lum mà tiếng của người Lào Lum là một ngôn ngữ thuộc vào ngữ hệ Tai - Kadai, rất gần gũi với tiếng

Thái của người Thái ở Tây Bắc của Việt Nam. Vì thế trong thời gian đầu, khi chưa có vốn từ vựng cơ bản, LHSL vẫn có thể sinh hoạt khá thuận lợi trong các công việc như đi chợ, hỏi đường hay giao lưu với người Việt Nam là những người biết tiếng Thái ở vùng Tây Bắc. Không chỉ gần gũi về ngôn ngữ mà sự gần gũi về văn hóa giữa LHSL với những cư dân ở khu vực Tây Bắc của Việt Nam cũng là một thuận lợi. LHSL có thể dễ dàng hòa đồng với tập quán sinh hoạt của các dân tộc ở khu vực Tây Bắc trong những sinh hoạt đời thường như ăn uống, giao tiếp, đi lại,...

2.1.3. Thế mạnh về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy và học liệu

Về cơ sở vật chất: TĐHTB mới được xây dựng, vì thế hệ thống cơ sở vật chất từ giảng đường, phòng học, thư viện, ký túc xá, căng tin, sân thể thao,... khang trang và hiện đại. Hệ thống cơ sở vật chất đủ đáp ứng cho nhu cầu học tập của lưu học sinh.

Về hệ thống quản lý: Ban Giám hiệu đã chỉ đạo các phòng chức năng trong công tác tham mưu, ban hành các quy chế, quy định và triển khai quá trình đào tạo. Lãnh đạo các khoa, các bộ môn triển khai kịp thời các quy định của Nhà trường đến giảng viên, đến người học; sự phối hợp giữa các khoa về chuyên môn và các phòng chức năng trong việc quản lý giảng viên cũng như người học một cách nhịp nhàng, đồng bộ.

Về đội ngũ giảng dạy: TĐHTB có đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao. Riêng bộ môn Ngữ văn của Khoa Khoa học xã hội hiện nay có 11 giảng viên, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 5 tiến sĩ và 5 thạc sĩ tham gia giảng dạy tiếng Việt. Các giáo viên tham gia giảng dạy đều nhiệt tình, thực hiện nghiêm túc quy định của Trường về thời khóa biểu, thời gian lên lớp, thực hiện đầy đủ chương trình, lịch trình giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, các

thầy cô đã tìm cách vượt qua những khó khăn về ngôn ngữ, văn hóa giữa thầy và trò; dung hòa được hầu hết những khác biệt về thành phần dân tộc, cũng như mặt bằng nhận thức của các lưu học sinh; cố gắng đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác dạy - học mà điều kiện cho phép. Các giáo viên tham gia giảng dạy luôn thể hiện thái độ tôn trọng lưu học sinh; gần gũi, thân thiện, cởi mở, giúp lưu học sinh vượt qua những bỡ ngỡ, rụt rè ban đầu để nhanh chóng hòa nhập vào việc học tập. Để việc dạy - học đạt hiệu quả cao, nhiều thầy cô giáo vừa giảng dạy vừa tìm hiểu tâm tư tình cảm của lưu học sinh. Từ đó tìm kiếm cách thức và phương pháp dạy - học tốt nhất có thể, phù hợp với năng lực của cả thầy và trò. Nhiều tiết học được sử dụng các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ và sự minh họa phong phú, sinh động tạo được hứng thú cho người học. Trong quá trình giảng dạy, các thầy cô đã chú ý phân loại lưu học sinh theo trình độ và năng lực học tập, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các em để có sự quan tâm, điều chỉnh kịp thời.

Về học liệu: hệ thống giáo trình, sách tham khảo, sách công cụ, từ điển, Internet, máy chiếu,... phục vụ cho việc học tiếng Việt đối với LHSL tại TDHTB được trang bị tốt. Đây là một thuận lợi cơ bản đối với việc học tiếng Việt của lưu học sinh.

2.2. Một số kinh nghiệm cụ thể nhằm phát huy thế mạnh của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt

Hiện nay, tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản hành chính Nhà nước, trong các tài liệu khoa học, truyền thông và được giảng dạy trong các nhà trường. Về mặt loại hình, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập. Chữ viết của tiếng Việt được ghi theo hệ Latin. Việc học tiếng Việt đối với người nước ngoài thường

là một công việc khó khăn.

Từ thực tiễn dạy tiếng Việt trong trường đại học và dạy tiếng Việt cho LHSL, chúng tôi nhận thấy rằng cái khó trong việc học tiếng Việt không chỉ đơn thuần ở bình diện ngữ pháp mà còn ở nhiều bình diện khác nữa như ngữ âm, từ vựng, văn bản, phong cách,... Một câu hỏi mà chúng tôi luôn đặt ra và tìm cách trả lời là làm thế nào để giúp cho LHSL có thể học tiếng Việt nhanh và hiệu quả. Trên cơ sở những thế mạnh của TDHTB và qua thực tế nhiều năm giảng dạy, tìm tòi, nghiên cứu, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số kinh nghiệm sau:

2.2.1. Đối với người học - chương trình học

Trước khi dạy tiếng Việt cần xác định người học thuộc đối tượng nào? Cán bộ hay học sinh? LHSL đã được tiếp xúc với tiếng Việt hay chưa? Với đối tượng LHSL vừa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc cán bộ đi học, tức là các em chưa có điều kiện tiếp xúc với tiếng Việt thì cần có một phương pháp đào tạo như thế nào để phù hợp; nghĩa là bắt đầu dạy từ những vấn đề cơ bản nhất như dạy bảng chữ cái, vần, thanh điệu,... Sau đó, mới dạy ở những cấp độ cao hơn (từ, ngữ, câu, đoạn văn, văn bản) và câu đó được sử dụng trong giao tiếp.

Xây dựng chương trình học hợp lý và những giáo cụ trực quan kèm theo. Điều này rất quan trọng vì sự phù hợp của giáo trình với đối tượng người học sẽ quyết định đến chất lượng học tập. Nếu chương trình quá nặng người học sẽ không đủ sức để tiếp thu, ngược lại nếu chương trình quá đơn giản thì người học sẽ dễ dẫn đến tâm lý chủ quan trong việc tiếp nhận kiến thức. Cùng với giáo trình, tài liệu,... là những giáo cụ trực quan như tranh ảnh, máy chiếu,... Có sự hỗ trợ của những giáo cụ này sẽ giúp cho người học dễ dàng hơn trong việc học từ,

tìm hiểu ý nghĩa của từ và từ đặt trong câu (trong những ngữ cảnh giao tiếp cụ thể).

2.2.2. Đối với công tác tổ chức lớp học

Việc tổ chức lớp học cũng rất quan trọng và ảnh hưởng đến chất lượng học tập. Khi vừa tiếp nhận, lớp học mới sẽ tiến hành cử ra một ban đại diện có đủ uy tín để lãnh đạo lớp. Tiếp theo phân chia lớp thành các tổ theo thứ tự tên gọi. Việc làm này giúp cho giáo viên nhanh chóng thuộc tên các LHSL. Sau một thời gian học tập, chúng tôi tiến hành phân chia lại lớp học, những LHSL có học lực tốt sẽ ngồi kèm những lưu học sinh học yếu hơn. Điều này giúp các em có cơ hội chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập. Bên cạnh đó, giáo viên lên kế hoạch (một tháng một lần) tổ chức thi đua giữa các tổ trong lớp để tạo không khí học tập sôi nổi.

Quan tâm đến LHSL ngoài giờ trên lớp. Một trong những thuận lợi là toàn bộ lưu học sinh đều ở cùng ký túc xá. Do đó, trong công tác chủ nhiệm, chúng tôi chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm phụ trách một số phòng trong ký túc và có báo cáo thường xuyên với giáo viên. Vì vậy nhanh chóng nắm bắt được tình hình của từng lưu học sinh, như lý do nghỉ học, lý do đi học muộn, lý do bỏ giờ,... Ngoài ra, khi các lưu học sinh đã biết viết tiếng Việt, hàng tháng chúng tôi đều cho các em viết những đề nghị ngắn của mình về những vấn đề trong sinh hoạt và học tập.

Công tác tổ chức sinh hoạt lớp có ý nghĩa rất quan trọng. Sinh hoạt lớp là dịp để sinh viên bộc lộ những tâm tư tình cảm, nguyện vọng. Đây cũng là dịp để giáo viên hiểu nhiều hơn về LHSL. Từ đó, các em thấy gần gũi, được chia sẻ và cố gắng hơn trong học tập. Chúng tôi thường lồng ghép việc dạy những bài hát, bài thơ, trò chơi tiếng Việt vào những giờ sinh hoạt lớp. Điều này đã tạo nên tâm lý hứng khởi cho

lưu học sinh, giúp các em có động lực học tập tích cực hơn.

Sự trợ giúp của sinh viên tình nguyện Lào đã nói tốt tiếng Việt và sinh viên Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng. Vì đối tượng người học là những sinh viên, học viên chưa biết tiếng Việt nên việc giao tiếp giữa giáo viên và LHSL sẽ gặp những khó khăn nhất định, nhất là những ngày đầu. Việc có sinh viên tình nguyện để mở rộng giao tiếp bằng tiếng Việt và kịp thời phản ánh những nguyện vọng của LHSL sẽ giúp cho giáo viên có thể thay đổi phương pháp giảng dạy cho thật sự phù hợp với đối tượng người học.

2.2.3. Đối với công tác dạy - học

Qua nhiều năm giảng dạy tiếng Việt cho LHSL, các thầy cô đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm cũng như phương pháp giảng dạy trong việc đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Lào trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để các em có cơ hội tiếp xúc và hiểu tiếng Việt một cách nhanh nhất.

- Về bình diện ngữ âm: tiếng Việt và tiếng Lào là ngôn ngữ thuộc cùng một nhóm loại hình ngôn ngữ đơn lập. Vì vậy, việc nắm bắt các đặc điểm về ngữ âm của tiếng Việt đối với LHSL không gặp những khó khăn như lưu học sinh các nước khác loại hình ngôn ngữ. Hơn nữa, xét về mặt lãnh thổ thì Việt Nam và Lào có một đường biên giới khá dài; người Việt và người Lào có sự giao lưu, tiếp xúc từ lâu đời trong khu vực Đông Nam Á. Do đó, trong vốn từ vựng, thành ngữ, tục ngữ cũng có một số điểm giống nhau. Đây chính là điểm thuận lợi giúp cho LHSL nắm bắt từ, nghĩa của từ, của các thành ngữ, tục ngữ một cách dễ dàng. Trong quá trình học, các em có phần nào giảm bớt lo lắng và thấy thoải mái, hứng thú hơn, hiệu quả hơn khi tiếp nhận ngoại ngữ mới.

Trong quá trình dạy - học tiếng Việt cho LHSL, giáo viên đã cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm. Cụ thể: giới thiệu bảng chữ cái, hệ thống các phụ âm, các nguyên âm, phần vần, thanh điệu,... Tiếng Việt và tiếng Lào giữa cách đánh vần và cách viết cũng có những điểm giống nhau. Do vậy, ngay những buổi đầu tiên giáo viên cần chú trọng luyện từng nét chữ, luyện phát âm, tập cho các em cách phát âm đúng nhất, chính xác nhất cả âm lẫn thanh.

Bên cạnh luyện các kỹ năng phát âm thì giáo viên cần so sánh cách ghép âm (chữ cái). Hơn nữa, ngôn ngữ Lào và ngôn ngữ Việt đều có thanh điệu, nên việc ghép âm cùng thanh điệu không phải hoàn toàn mới lạ đối với LHSL. Việc thể hiện đúng thanh điệu khi phát âm tiếng Việt không chỉ phải đạt yêu cầu trên mỗi âm tiết độc lập mà còn cả trong chuỗi kết hợp nhiều âm tiết với nhau (cụm từ và câu). Dạy phát âm tiếng Việt cho LHSL là nội dung khởi đầu và cũng là cơ sở để phát triển cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Khi dạy ngữ âm là giúp cho LHSL phân biệt được các thanh điệu, âm đầu, âm chính, âm cuối để nhận biết các đơn vị, như từ, cụm từ, câu. Có nghĩa là người học phải làm chủ được cách ghép vần trong từng từ, các từ liên kết với nhau để tạo câu và các câu đó được sử dụng trong khi nói cũng như khi viết.

- *Về bình diện từ vựng*: trong quá trình học, các LHSL nắm bắt vốn từ, hiểu nghĩa của từ và từ đó xuất hiện trong ngữ cảnh (trong học ngoại ngữ) luôn là vấn đề quan trọng. Nhưng làm thế nào để các em hiểu được vốn từ nhanh nhất khi mà cả giáo viên và LHSL chưa tìm được ngôn ngữ chung để giao tiếp. Việc học tiếng Việt sẽ không thể đạt kết quả nếu cứ đi vào giải thích các từ ngữ khi vốn từ của các em còn quá ít. Chính vì thế, chúng tôi đã tập trung xây dựng hệ

thống các từ ngữ Việt - Lào, nhằm cung cấp cho LHSL những vốn từ ngữ cần thiết hỗ trợ trong quá trình dạy - học tiếng Việt.

Thực tế, việc cung cấp vốn từ ngữ cho LHSL, khi tìm thấy một số điểm giống nhau giữa tiếng Việt và tiếng Lào trong quá trình dạy tiếng Việt là rất hiệu quả. Chẳng hạn, khi dạy bài liên quan đến từ đơn, hay từ ghép thay cho việc giải thích dài dòng, giáo viên nói: “từ đơn” (khăm điều), “từ ghép” (khăm pạ sôm), các em hiểu rất nhanh. Bởi vì, ý nghĩa ngữ pháp và cách sử dụng các thuật ngữ này trong tiếng Lào có nhiều điểm giống tiếng Việt. Hoặc khi giáo viên dạy phân loại câu theo mục đích nói, nếu giáo viên không biết tiếng Lào thì rất khó khăn trong việc giải thích làm thế nào cho các em hiểu: câu kể: “Hôm nay, trời nắng đẹp.” (Mư nı, à cát đi lải); câu hỏi: “Cô đi đâu?” (À chàn pày sảy?); câu cảm thán: “Cô gái Lào đẹp lắm!” (Phú sáo Lào ngăm lải). Trong các giờ lên lớp, giáo viên chú trọng mở rộng vốn từ qua từng chủ đề, từng vấn đề. Khi cung cấp từ mới, giáo viên nên so sánh đối chiếu tiếng Việt với tiếng Lào, tìm hiểu các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, đa nghĩa, từ láy, từ ghép,... Đặc biệt, các từ láy trong tiếng Lào, cách kết hợp có những điểm giống như tiếng Việt. Đây là loại từ được cấu tạo hai hình vị, một hình vị gốc và một hình vị cùng âm, cùng nghĩa lặp lại từ đứng trước làm cho nghĩa gốc được rõ ràng, chặt chẽ hơn. Trên chữ viết, hai chữ viết không dính liền nhau. Điều này có nhiều điểm giống với tiếng Việt. Bằng cách này, vốn từ vựng của các em sẽ được mở rộng một cách có hệ thống. Theo đó, LHSL sẽ không học chỉ một hai từ mà là nhiều từ liên kết với nhau tạo thành cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản. Chẳng hạn như: tính từ “hiền” (on nhon) sẽ kết hợp với phó từ “rất” (sút thi) tạo thành cụm tính từ “rất hiền” (sút thi on nhon), kết hợp với từ “em”

tạo thành câu “em rất hiền” (noong pên khon sút thi on nhon), “em” là chủ ngữ, “rất hiền” là vị ngữ; hoặc tạo ra các từ ghép, từ láy,... Từ đó, LHSL sẽ gia tăng được vốn từ một cách nhanh chóng. Đây là yếu tố thuận lợi giúp cho LHSL nhớ từ, mở rộng vốn từ và sử dụng các từ đơn, từ ghép, từ láy dễ dàng, thuận tiện hơn trong khi nói cũng như khi viết; giúp cho các em nói đúng, viết đúng, tiến tới nói hay, viết hay tiếng Việt.

- *Về bình diện ngữ pháp*: trong việc phân định từ loại tiếng Việt, các nhà nghiên cứu đều đi đến thống nhất phân chia làm hai loại lớn: từ thực (thực từ) và từ hư (hư từ). Từ thực là những từ có ý nghĩa từ vựng chân thực, còn từ hư là những từ không có ý nghĩa từ vựng chân thực mà chỉ có ý nghĩa ngữ pháp. Việc dạy các từ loại thực từ: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ giữa tiếng Việt và tiếng Lào sẽ rất thuận lợi khi có sự so sánh tìm thấy một số điểm giống nhau về mặt ý nghĩa khái quát, phân loại và chức năng cụ thể của mỗi tiểu loại để đặt câu. Trong các bài tập dùng từ đặt câu, giáo viên cần chỉ cho LHSL biết từ đó thuộc từ loại nào và giữ chức năng cú pháp gì trong câu thì các em có thể đặt được nhiều câu đúng và hay. Hơn nữa, muốn tạo ra các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ,... thì phải tính đến khả năng kết hợp giữa các từ với nhau thì hư từ đóng một vai trò không nhỏ trong việc biểu hiện các ý nghĩa ngữ pháp. Để thể hiện ý nghĩa ngữ pháp, tiếng Việt và tiếng Lào đều sử dụng hệ thống hư từ với tần số xuất hiện cao và có thể lập thành hệ thống song ngữ Việt - Lào. Nắm bắt được điều này, giáo viên sẽ giới thiệu các kết cấu cú pháp, các nội dung bài dạy một cách nhanh chóng. Bên cạnh đó, để thể hiện thời của động từ thì trong tiếng Việt và tiếng Lào cũng có nhiều điểm giống nhau. Đặc điểm ngữ pháp của từ được biểu hiện bên ngoài từ chứ không phải biểu hiện

ngay trong bản thân nội bộ từ như loại hình ngôn ngữ hòa kết, chấp dính, đa tổng hợp. Phát hiện ra một số điểm giống nhau giữa tiếng Việt và tiếng Lào và được vận dụng thích hợp trong các giờ học sẽ tạo cho LHSL có cảm giác không mệt mỏi, căng thẳng; thấy gần gũi, hứng thú khi học tiếng Việt. Làm tốt được những vấn đề vừa nêu trên, việc đào tạo tiếng Việt cho LHSL ở TĐHTB sẽ tốt hơn.

3. Kết luận

Qua nhiều năm đào tạo tiếng Việt cho LHSL, TĐHTB luôn phát huy những thế mạnh sẵn có: về địa lý; sự gần gũi về tộc người; về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, học liệu; những kinh nghiệm được trải nghiệm từ thực tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt của một cơ sở đào tạo có uy tín trong khu vực. Việc dạy tiếng Việt cho lưu học sinh là người nước ngoài nói chung và LHSL nói riêng là một quá trình khó khăn và phức tạp. Tuy nhiên, những khó khăn này sẽ được giải quyết nếu người dạy xác định được những vấn đề then chốt như chúng tôi đã trình bày ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [2] Mai Ngọc Chừ, “Dạy tiếng Việt với tư cách một ngoại ngữ”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 5, 2002.
- [3] Lê Trung Hoa, *Lỗi chính tả và cách khắc phục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.
- [4] Đỗ Việt Hùng (Chủ biên), *Tiếng Việt cơ sở (dành cho việc dạy và học tiếng Việt đối với học viên Lào)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011.
- [5] Trần Thị Lan, “Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp”, *Hội thảo Đổi mới Phương pháp Giáo dục*, 2009.
- [6] Nguyễn Sĩ Nam, *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- [7] *Tự học tiếng Lào cấp tốc*, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, 2001.